

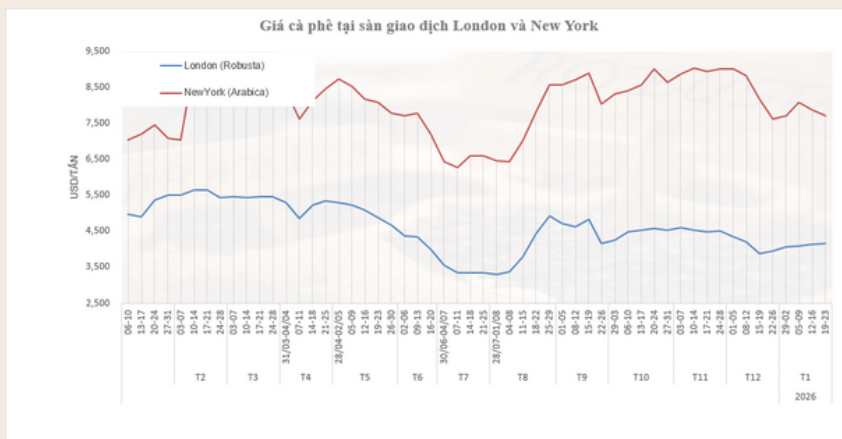
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên sàn New York và tăng trên sàn London trong tuần từ 19/01/2025 - 23/01/2026.
- Dự báo nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2025/2026 đạt khoảng 173,85 triệu bao.
- Sản lượng cà phê Trung Quốc niên vụ 2025/2026 dự báo đạt khoảng 1,9 triệu bao.
- Brazil đề nghị Hoa Kỳ làm rõ việc duy trì thuế 50% với cà phê hòa tan.
- Năm 2025, xuất khẩu cà phê Ấn Độ đạt 384 nghìn tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 2,06 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 19/1/2026 đến 23/01/2026, giá cà phê thế giới biến động trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 01/2026 tại thị trường London bình quân đạt 4.181 USD/tấn, tăng 0,8% so với tuần trước và giảm 22,2% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.253 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.126 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2026 bình quân đạt 7.726 USD/tấn, giảm 2% so với tuần trước, và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.833 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.639 USD/tấn.[1]

TRIỂN VỌNG CUNG CẦU CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Dự báo trong niên vụ cà phê toàn cầu từ 10/2025-9/2026 cho thấy nhu cầu tiêu thụ có thể đạt khoảng 173,85 triệu bao, tăng 1,34% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, sản lượng cà phê toàn cầu được dự báo đạt khoảng 178,85 triệu bao, tăng 2,01% so với niên vụ 2024/2025. Diễn biến này hàm ý thị trường cà phê thế giới có khả năng quay trở lại trạng thái thặng dư nguồn cung, với quy mô ước khoảng 5 triệu bao, sau khi ghi nhận mức thâm hụt khoảng 1,20 triệu bao trong niên vụ trước.[2]

Đối với cà phê Arabica chế biến ướt, sản lượng toàn cầu trong niên vụ 2025/2026 được dự báo đạt khoảng 44,80 triệu bao, về cơ bản duy trì ổn định so với năm trước. Nhóm các

quốc gia gồm Colombia, Trung Mỹ, Mexico và Peru dự kiến đóng góp khoảng 30,70 triệu bao, trong khi phần còn lại, tương đương gần 30% sản lượng Arabica chế biến ướt toàn cầu, đến từ khu vực châu Phi và châu Á.[2]

Riêng tại Brazil, niên vụ 2025/2026 đã được thu hoạch và đang được đưa dần ra thị trường tiêu thụ, dù sản lượng thấp hơn so với các dự báo ban đầu. Việc giảm bớt các rào cản thuế quan tại thị trường Hoa Kỳ cùng với việc trì hoãn thực thi EUDR được kỳ vọng sẽ thúc đẩy xuất khẩu trong ngắn hạn, đặc biệt trong tháng 1/2026. Tuy vậy, tác động của sản lượng Arabica thấp nhiều khả năng sẽ được thể hiện rõ hơn trong nửa sau niên vụ xuất khẩu.[2]



TRUNG QUỐC

Theo báo cáo của USDA, thông qua Mạng lưới Thông tin Nông nghiệp Toàn cầu, sản lượng cà phê của Trung Quốc trong niên vụ từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026 được dự báo đạt khoảng 1,9 triệu bao, tăng 5,55% so với niên vụ trước.[3]

Tại Trung Quốc, gần như toàn bộ diện tích trồng cà phê tập trung ở tỉnh Vân Nam, chủ yếu là cà phê Arabica.[3]

Cùng với xu hướng gia tăng sản xuất, tiêu thụ cà phê nội địa của Trung Quốc cũng được dự báo tăng 3,55% trong cùng kỳ, đạt khoảng 5,85 triệu bao, tuy vẫn ở mức thấp nếu xét theo tiêu chí tiêu thụ bình quân đầu người. Nhu cầu này bao gồm cả cà phê sản xuất trong nước và các sản phẩm mang thương hiệu quốc tế nhập khẩu, trong đó cà phê nhân xanh nhập khẩu chỉ chiếm dưới 40% tổng lượng tiêu thụ.[3]

USDA ước tính quy mô thị trường cà phê Trung Quốc hiện vào khoảng hàng tỷ USD, với mức tăng trưởng tiêu dùng lên tới 150% trong vòng một thập kỷ qua, dù xuất phát điểm ban đầu còn rất thấp.[3]



BRAZIL

Ngành cà phê hòa tan của Brazil đang yêu cầu phía Hoa Kỳ giải thích lý do tiếp tục áp dụng mức thuế nhập khẩu lên tới 50% đối với cà phê hòa tan, trong khi các dòng sản phẩm cà phê khác của Brazil đã được dỡ bỏ thuế. Biện pháp thuế quan này được áp dụng từ năm 2025 dưới thời Tổng thống Donald Trump, trong bối cảnh căng thẳng chính trị liên quan đến cựu Tổng thống Jair Bolsonaro. [4]

Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê Brazil đạt mức kỷ lục 15,6 tỷ USD, song khối lượng xuất khẩu giảm gần 21%, còn khoảng 40 triệu bao. Riêng trong tháng 12/2025, xuất khẩu cà phê nhân sang Hoa Kỳ giảm 18% so với cùng kỳ năm trước, trong khi xuất khẩu cà phê hòa tan giảm sâu tới 35%, chỉ đạt 273.466 bao.[4]

Trước thực trạng này, Hiệp hội Cà phê Hòa tan Brazil (ABICS) và Hiệp hội Công nghiệp Cà phê Brazil (ABIC) đang phối hợp với Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ (NCA) nhằm chứng minh rằng việc duy trì mức thuế 50% không chỉ gây bất lợi cho Brazil mà còn tác động tiêu cực tới thị trường và người tiêu dùng Hoa Kỳ.[4]

ẤN ĐỘ

Trong năm 2025, xuất khẩu cà phê của Ấn Độ ghi nhận sự phân hóa rõ rệt giữa khối lượng và giá trị. Theo số liệu của Hội đồng Cà phê Ấn Độ công bố, tổng lượng cà phê xuất khẩu đạt khoảng 384 nghìn tấn, giảm 4,47% so với mức 402 nghìn tấn của năm 2024. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh 22,5%, đạt khoảng 2,06 tỷ USD, phản ánh xu hướng cải thiện đáng kể về giá xuất khẩu.[5]

Giá trị đơn vị bình quân đạt khoảng 5.073 USD/tấn, cao hơn nhiều so với mức 3.796 USD/tấn của năm trước. Xét theo chủng loại, xuất khẩu cà phê Arabica giảm mạnh 65%, chỉ còn 15.607 tấn, trong khi cà phê Robusta cũng giảm 13%, xuống khoảng 180 nghìn tấn. Trái lại, xuất khẩu cà phê hòa tan tăng 11,56%, đạt gần 46.954 tấn, cho thấy sự dịch chuyển tích cực sang các sản phẩm chế biến sâu.[5]

Về thị trường, Italia, Nga và Đức là ba thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất - qua đó củng cố vị thế của Ấn Độ với tư cách là quốc gia đứng thứ bảy thế giới về sản xuất và thứ năm về xuất khẩu cà phê.[5]



COSTA COFFE MỞ RỘNG TẠI UAE

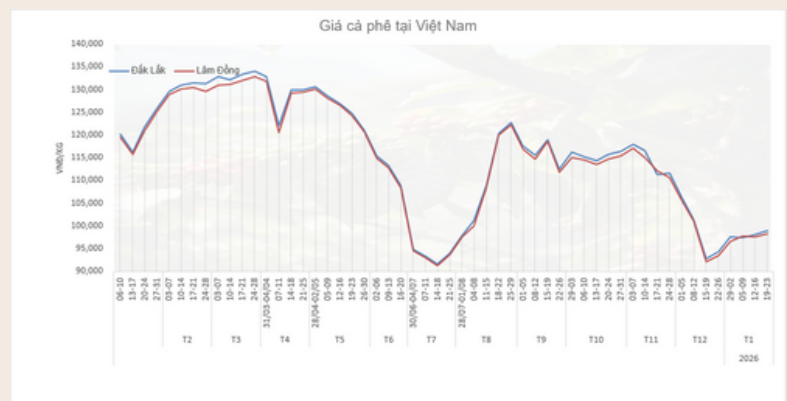
Emirates Leisure Retail (ELR), đơn vị nhượng quyền chính thức của Costa Coffee tại UAE, đã công bố thỏa thuận hợp tác chiến lược có thời hạn hai năm với ENOC Group nhằm triển khai mô hình “Phục vụ cà phê Costa” tại hệ thống cửa hàng tiện lợi ZOOM. Sáng kiến này xuất phát từ nhu cầu ngày càng gia tăng của người tiêu dùng đối với cà phê chất lượng cao dùng nhanh, qua đó cung cấp các loại đồ uống cà phê pha chế thủ công theo phương thức nhanh gọn và thuận tiện tại 16 điểm bán ZOOM được lựa chọn. Việc kết hợp nền tảng thương hiệu, kinh nghiệm vận hành và tiêu chuẩn chất lượng của Costa Coffee với mạng lưới trạm dịch vụ rộng khắp và có độ tin cậy cao của ENOC góp phần bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ cà phê cao cấp cho người tiêu dùng trong bối cảnh xu hướng tiêu dùng di động ngày càng phổ biến. Về dài hạn, hợp tác này tạo tiền đề để mở rộng cả mô hình phục vụ trực tiếp và tự phục vụ cà phê Costa trên toàn bộ mạng lưới ENOC, từ đó gia tăng lựa chọn, mức độ tiện lợi và khả năng tiếp cận cho khách hàng. [6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng giảm và Đắk Lắk tăng so với tuần trước.
- Các thị trường xuất khẩu chủ lực của cà phê Việt Nam bao gồm châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản cùng các thị trường mới nổi như Algeria, Trung Quốc và Nga.
- Giá cà phê Robusta đã phục hồi nhanh chóng dù thị trường đang trong cao điểm vụ thu hoạch.
- Trung Nguyên Legend đưa cà phê Việt Nam vào thị trường Ấn Độ.
- Algeria chiếm khoảng 6,5% tổng sản lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2025, cao hơn mức 5,9% của thị trường Hoa Kỳ.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 19/01/2026 đến ngày 23/01/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 99.013 VNĐ/kg, tăng 0,9% so với tuần trước, và giảm 18,7% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 99.833 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 98.133 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 98.383 VNĐ/kg, tăng 0,7% so với tuần trước, và giảm 18,7% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 99.100 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 97.400 VNĐ/kg. [1]

TOP 10 THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM

Năm 2025, xuất khẩu cà phê của Việt Nam thiết lập kỷ lục mới cả về quy mô và giá trị, phản ánh rõ xu hướng dịch chuyển từ tăng trưởng dựa vào sản lượng sang tăng trưởng dựa vào giá trị. Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, tổng lượng cà phê xuất khẩu đạt khoảng 1,59 triệu tấn, tăng 18,3% so với năm 2024, trong khi kim ngạch tăng mạnh 58,8%, đạt hơn 8,92 tỷ USD.[2]

Trong nhóm 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất, Đức tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt tại châu Âu với kim ngạch gần 1,23 tỷ USD, khẳng định vị thế trung tâm rang xay và tái xuất của khu vực EU.[2]

Các thị trường như Ý, Tây Ban Nha, Hà Lan và Bỉ ghi nhận mức tăng giá trị vượt trội so với tăng sản lượng, cho thấy nhu cầu ngày càng cao đối với cà phê chất lượng.[2]

Ngoài châu Âu, Hoa Kỳ và Nhật Bản duy trì vai trò thị trường chủ lực với mức tăng giá trị lần lượt 56,9% và 46,6%.[2]

Đáng chú ý, Algeria, Trung Quốc và Nga nổi lên như các điểm sáng, góp phần đa dạng hóa thị trường và mở rộng không gian tăng trưởng cho cà phê Việt Nam trong trung và dài hạn.[2]

GIÁ CÀ PHÊ HỒI PHỤC MẠNH TRONG MÙA THU HOẠCH

Giá cà phê Robusta đã phục hồi nhanh chóng dù thị trường đang trong cao điểm vụ thu hoạch – giai đoạn thường chịu áp lực nguồn cung lớn. Thực tế cho thấy, giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên đã tăng trở lại khoảng 7.000 VNĐ/kg so với mức thấp nhất, phản ánh sự mất cân đối tạm thời giữa cung và cầu trên thị trường nội địa. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tâm lý găm hàng của nông dân, khi phần lớn người trồng cà phê chỉ bán ra khoảng 20% sản lượng nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu ngắn hạn, trong khi giữ lại phần lớn sản lượng với kỳ vọng giá tiếp tục cải thiện. Trong bối cảnh giá cao kỷ lục ở các niên vụ gần đây, người sản xuất không còn chịu áp lực tài chính buộc phải bán ngay trong mùa thu hoạch, qua đó làm giảm đáng kể lượng cà phê đưa ra thị trường. Về trung và dài hạn, triển vọng giá cà phê Việt Nam được đánh giá tích cực khi nhu cầu toàn cầu duy trì ổn định, đặc biệt từ thị trường châu Á, trong khi nguồn cung đối mặt với rủi ro biến đổi khí hậu và các yêu cầu ngày càng khắt khe về phát triển bền vững và truy xuất nguồn gốc.[3]

TRUNG NGUYÊN LEGEND MỞ RỘNG SANG THỊ TRƯỜNG ẤN ĐỘ

Trung Nguyên Legend đang từng bước đóng vai trò cầu nối chiến lược nhằm đưa cà phê Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường Ấn Độ – quốc gia đông dân nhất thế giới và có nhu cầu tiêu dùng cà phê đang tăng nhanh. Thông qua tọa đàm “Hợp tác chiến lược Việt Nam – Ấn Độ trong lĩnh vực cà phê” tổ chức tại Mumbai với sự phối hợp của các cơ quan ngoại giao và tổ chức xúc tiến thương mại, Trung Nguyên Legend khẳng định định hướng phát triển dựa trên các mô hình kinh doanh dài hạn, bền vững và phù hợp với xu hướng tiêu dùng toàn cầu. Trong bối cảnh Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới và giữ vị trí số một về Robusta, còn Ấn Độ sở hữu tầng lớp trung lưu đang mở rộng nhanh, doanh nghiệp đặt mục tiêu đưa cà phê Việt vượt ra khỏi vai trò hàng hóa nông sản thuần túy, trở thành biểu trưng văn hóa, tri thức và lối sống. Chiến lược này được củng cố thông qua hệ sinh thái hơn 1.000 không gian cà phê, hàng trăm dòng sản phẩm chế biến sâu và sự hiện diện tại nhiều diễn đàn, sự kiện quốc tế, qua đó góp phần nâng cao giá trị gia tăng và vị thế thương hiệu cà phê Việt Nam. [4]

ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ SANG THỊ TRƯỜNG ALGERIA

Năm 2025, cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam ghi nhận sự dịch chuyển đáng chú ý khi Algeria trở thành quốc gia nhập khẩu cà phê Việt Nam nhiều hơn cả Hoa Kỳ. Theo thông tin do VICOFA công bố, Algeria chiếm khoảng 6,5% tổng sản lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2025, cao hơn mức 5,9% của thị trường Hoa Kỳ. Trong bối cảnh Việt Nam sở hữu diện tích trồng cà phê hơn 730.000 ha, sản lượng đạt khoảng 1,9 triệu tấn và xuất khẩu gần 1,6 triệu tấn với kim ngạch xấp xỉ 9 tỷ USD, xu hướng mở rộng sang các thị trường châu Phi và châu Á đang ngày càng rõ nét, bên cạnh vai trò chủ lực của châu Âu với tỷ trọng khoảng 50%. Tuy nhiên, thách thức lớn của ngành cà phê Việt Nam vẫn nằm ở cơ cấu xuất khẩu khi cà phê nhân thô chiếm tới 87%, trong khi sản phẩm chế biến sâu mới đạt khoảng 13%. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về chuyển dịch sang chế biến sâu và tăng cường quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao giá trị gia tăng và vị thế cà phê Việt Nam trên thị trường toàn cầu.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	98,300	98,600	97,400	99,100	98,500	98,380	720
Di Linh	98,300	98,600	97,400	99,100	98,500	98,380	720
Lâm Hà	98,300	98,600	97,400	99,100	98,500	98,380	720
Bảo Lộc	98,300	98,600	97,400	99,100	98,500	98,380	720
ĐẮK LẮK	98,933	99,233	98,133	99,833	98,933	99,013	900
Cư M'gar	99,000	99,300	98,200	99,900	99,000	99,080	900
Ea H'leo	98,900	99,200	98,100	99,800	98,900	98,980	900
Buôn Hồ	98,900	99,200	98,100	99,800	98,900	98,980	900
GIA LAI	98,933	99,033	98,233	99,733	98,933	98,973	880
Chư Prông	99,000	99,100	98,300	99,800	99,000	99,040	880
Pleiku	98,900	99,000	98,200	99,700	98,900	98,940	880
La Grai	98,900	99,000	98,200	99,700	98,900	98,940	880
Quảng Ngãi	99,300	99,000	98,100	99,700	98,900	99,000	940
Kon Tum	99,300	99,000	98,100	99,700	98,900	99,000	940

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://www.reuters.com>
- [5]: <https://www.thehindubusinessline.com>
- [6]: <https://www.zawya.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
- [3]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
- [4]: <https://nguoiquansat.vn>
- [5]: <https://vietnamnet.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả